

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 28/9/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Trung.

2. Ông Y Krang Jie.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Lý - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-DS ngày 18/9/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị G; địa chỉ: Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk – (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ A; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Liên Sơn, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk – (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 27/3/2019, các bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị G trình bày:*

Ngày 14/10/2018, bà Nguyễn Thị Mỹ A vay của bà Đỗ Thị G số tiền 40.000.000 đồng; thời hạn trả nợ là khi nào bà G yêu cầu. Quá trình sử dụng tiền vay, bà Mỹ A đã trả cho bà G được 03 tháng tiền lãi (tháng 11, 12/2018 và tháng 01/2019) với số tiền 5.400.000 đồng.

Đến tháng 02/2019, do bà Mỹ A nợ nhiều người và mất khả năng trả nợ

nên bà G đã yêu cầu bà Mỹ A trả nợ. Nhiều lần bà G đến nhà bà Mỹ A để đòi nợ nhưng bà Mỹ A không chịu trả. Nay bà G làm đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mỹ A hoàn trả số tiền gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 16/01/2019 đến nay theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 04/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Mỹ A thừa nhận có vay của bà G qua sự giới thiệu của bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, số tiền vay là 40.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền như bà G nộp kèm theo đơn khởi kiện. Về lãi, thực tế bà đã trả tiền lãi cho bà G thông qua bà Hằng được 03 tháng (lãi tháng 11, 12/2018 và lãi tháng 01/2019) là 5.400.000 đồng theo thỏa thuận, nhưng không ghi trong giấy tờ vay nợ và không có biên nhận trả lãi. Nay bà Mỹ A chỉ chấp nhận trả khoản tiền gốc 40.000.000 đồng.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Lấp thụ lý giải quyết lại, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và không tiến hành phiên hoà giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp phát biểu ý kiến:* Tòa án nhân dân huyện Lấp thụ lý vụ án về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Đỗ Thị G với bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hòa giải và chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A không đến phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị G: Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị G số tiền nợ gốc là 36.600.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Bà Đỗ Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị G số tiền nợ gốc

là 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung tranh chấp*: Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Ngày 14/10/2018, bà Đỗ Thị G cho bà Nguyễn Thị Mỹ A vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận thời hạn trả nợ khi nào bà G yêu cầu. Bà G xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc khởi kiện là 01 giấy vay tiền lập ngày 14/10/2018, ghi tên người vay tiền là Nguyễn Thị Mỹ A, số tiền vay là 40.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng tiền vay bà Mỹ A đã trả được tiền lãi trong 03 tháng (lãi tháng 11, 12/2018 và lãi tháng 01/2019) là 5.400.000 đồng.

Tại các buổi làm việc và hòa giải, bà Mỹ A đều thừa nhận có vay tiền của bà Đỗ Thị G, tổng số tiền vay là 40.000.000 đồng. Ngày 19/8/2019, Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Mỹ A đã thay đổi nội dung hòa giải, yêu cầu được khấu trừ số tiền lãi vào số tiền gốc. Do sự thay đổi này, bà Đỗ Thị G cũng đề nghị Tòa án tính lãi theo mức cao nhất mà pháp luật cho phép.

Đối với ông Lê Thanh T, tại thời điểm trên quan hệ giữa ông T và bà Mỹ A là vợ chồng, do đó thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân là khoản thu nhập chung và nợ chung. Tại biên bản lấy lời khai, làm việc với ông T, ông T cho rằng ông hoàn toàn không biết bà Mỹ A có nợ của bà Đỗ Thị G, mọi sinh hoạt hàng ngày không có sự kiện gì để phải đi vay hoặc lĩnh huê nên ông T không biết. Còn bà Mỹ A cho rằng, khi vay mượn tiền không cho người nhà và chồng biết, số tiền vay bà dùng để bán hàng đa cấp trên mạng, do buôn bán thất bại nên đến nay chưa trả được các khoản nợ trên. Tại Quyết định số 12/2019/QĐST-VHNGĐ ngày 19/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Lắc quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lê Thanh T và bà Nguyễn Thị Mỹ A. Vì vậy, Tòa án không đưa ông Lê Thanh T tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, việc hai bên thiết lập quan hệ vay tài sản (tiền) là hoàn toàn tự nguyện và đúng các quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Nay, bà Mỹ A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị G.

[3] Về lãi suất: Các bên đã thừa nhận khoản vay gốc, thời điểm vay, lãi đã trả; tuy nhiên không thống nhất về khoản tiền lãi. Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án xem xét về lãi như sau:

Số tiền lãi đã trả 03 tháng (lãi từ 15/10/2018 đến 15/01/2019) là 5.400.000 đồng, tương đương với lãi suất $5.400.000 \text{ đồng} / 40.000.000 \text{ đồng} / 3 \text{ tháng} \times 12 \text{ tháng} \times 100\% = 54\%$ là vượt quy định pháp luật cho phép. Do đó, cần phải được tính lại theo mức cao nhất theo quy định của pháp luật là 20%/năm, như sau: $40.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm} : 12 \text{ tháng} \times 3 \text{ tháng} = 2.000.000 \text{ đồng}$;

Số tiền chênh lệch giữa lãi đã trả và lãi cao nhất cho phép là $5.400.000 \text{ đồng} - 2.000.000 \text{ đồng} = 3.400.000 \text{ đồng}$ phải được trừ vào gốc để làm cơ sở tính lãi tiếp theo; cụ thể số tiền gốc còn lại là $40.000.000 \text{ đồng} - 3.400.000 \text{ đồng} = 36.600.000 \text{ đồng}$.

Do nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất giới hạn mà không tính lãi quá hạn đối với khoản gốc và lãi trong hạn chậm trả nên lãi được tính tiếp từ 16/01/2019 đến 28/9/2020 là: $621 \text{ ngày} \times 36.600.000 \times 20\% / \text{năm} : 365 \text{ ngày} = 12.454.027 \text{ đồng}$ (làm tròn 12.454.000 đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 28/9/2020 là: $36.600.000 \text{ đồng} + 12.454.000 \text{ đồng} = 49.054.000 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị G.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ A phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị G tổng số tiền là 49.054.000 đồng (Bốn mươi chín triệu không trăm năm mươi bốn ngàn đồng); trong đó: tiền gốc là 36.600.000 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử là 12.454.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ A phải chịu 2.453.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đỗ Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại 1.100.000 đồng (một triệu một trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0013506 ngày 28/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện Lắc;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thành